TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 14-5-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;

2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Nguyễn Phát Huy, Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2018/TLST - KDTM ngày 12/12/2018 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-KDTM ngày 04/4/2019 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 22/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 V, phường T, quận Y, thành phố Hà Nội; Có ông Lê Hoàng H, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân Chi nhánh Ngân hàng TMCP B đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1714/GUQ-BIDV.BAG ngày 13/11/2018).

Bị đơn: Ông Cao Tuấn N, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở hiện nay: số 159, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện nguyên đơn ông Lê Hoàng H có mặt; bị đơn ông Cao Tuấn N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/11/2018 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Hoàng H trình bày:

- Ngày 19/09/2017, Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B (BHI) có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD (tín dụng món) cho ông Cao Tuấn N vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để mua bán lúa, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/8/2018, lãi suất cho vay 9,5%/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn.

Lịch trả nợ gốc và lãi: Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ.

Để đảm bảo khoản nợ vay, ông N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bắc An Giang:

+ 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 362,7m ^{2}, đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 568,4 m^2, đất ở tại nông thôn, thửa đất số: 41, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

+ 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 168,9 m^2, đất ở tại nông thôn, thửa đất số: 45, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnhAn Giang;

+ 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 594 m^2, đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Việc thế chấp được thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9013487/HĐBĐ ngày 19/09/2017.

Từ khi giải ngân Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD ngày 19/09/2017 đến ngày 12/11/2018, ông N không trả nợ gốc, chỉ trả lãi với số tiền 157.726.027 đồng. Ngày chuyển nợ quá hạn đầu tiên là ngày 21/08/2018 (khách hàng không trả được nợ lãi). Ngày chuyển nợ quá hạn cuối cùng là ngày 21/08/2018 (khách hàng không trả được nợ gốc).

Tổng số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 12/11/2018 là 2.081.726.028 đồng, trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.863.014 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.863.014 đồng.

- Ngày 21/05/2018, Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B (BHI) có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD với ông Cao Tuấn N với nội dung cụ thể như sau:

Hạn mức được cấp là: 16.000.000.000 đồng (mười sáu tỷ đồng).

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày 21/05/2018 đến hết ngày 21/05/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để thu mua lúa, lãi suất vay: Theo qui định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được thể hiện tại từng hợp đồng tín dụng cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 01.01/2018/9013487/HĐTD ngày 22/05/2018, số tiền vay là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng).

Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày 22/05/2018 đến ngày 22/11/2018. Lãi suất vay: 7,5%/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), (lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn).

Lịch trả nợ gốc và lãi: Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ.

+ Hợp đồng tín dụng số 01.02/2018/9013487/HĐTD ngày 13/06/2018, số tiền vay là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng).

Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày 13/06/2018 đến ngày 13/12/2018. Lãi suất vay: 7,5%/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), (lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn).

Lịch trả nợ gốc và lãi: Lãi vay được trả vào ngày 20 hàng tháng, nợ gốc được trả vào cuối kỳ.

Để đảm bảo khoản nợ vay, ông N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bắc An Giang: 01 Quyền sử dụng đất số phát hành CN 244891, vào sổ số CS03173 (Diện tích: 435,7 m^2, thửa đất số: 100, tờ bản đồ số: 18) và 01 căn nhà ở gắn liền với đất tọa lạc đường Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Việc thế chấp được thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9013487/HĐBĐ ngày 21/5/2018.

Từ khi giải ngân các hợp đồng tín dụng cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD ngày 21/05/2018 đến ngày 12/11/2018, ông N không trả nợ gốc, chỉ trả lãi với số tiền 162.328.767 đồng. Ngày chuyển nợ quá hạn đầu tiên là ngày 21/08/2018 (khách hàng không trả được nợ lãi).

Từ đó đến nay thì ngưng không trả nữa. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở, đôn đốc ông N về việc trả nợ vay, kiểm tra tài sản bảo đảm nợ vay nhưng khách hàng không phối hợp làm việc.

Do ông N đã vi phạm nghiêm trọng các cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD ngày 19/09/2017 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD ngày 21/05/2018 đã ký kết với BIDV Bắc An Giang.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Tuấn N thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 14/5/2019 là 19.479.335.618 đồng trong đó nợ gốc 18.000.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày

14/5/2019 là 1.479.335.618 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 1.138.657.535 đồng, lãi quá hạn là 340.678.083 đồng) và tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng sau ngày 14/5/2019 cho đến khi trả xong nợ vay, đồng thời duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là: Giấy ủy quyền số 1714/GUQ-BIDV.BAG ngày 13/11/2018, (bản sao); Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng ngày 28/10/2016, (bản sao); Quyết định về việc giao nhiệm vụ điều hành chi nhánh ngày 26/3/2018, (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ tạm trú, sổ hộ khẩu, (bản sao); Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 24/4/2017 và 13/4/2018, (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 22/9/2016, (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn ngày 19/9/2017, (bản sao); Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD ngày 19/9/2017,(bản sao); Bảng kê rút vốn 01.01/2017/9013487/HĐTD 20/9/2017, (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn ngày 21/5/2018, (bản sao); Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD ngày 21/5/2018, (bản sao); Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2018/9013487/HĐTD ngày 22/5/2018, (bản sao); Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2018/9013487/HĐTD ngày 13/6/2018, (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02922, ngày 02/8/2010 và trích lục hồ sơ địa chính, (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02878hF, ngày 24/5/2010 và trích lục hồ sơ địa chính, (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02923, ngày 22/8/2010 và trích lục hồ sơ địa chính, (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02921, ngày 02/8/2010 và trích lục hồ sơ địa chính, (bản sao); Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9013487/HĐBĐ, ngày 19/9/2017 (bản sao); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 19/9/2017, (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03173, ngày 27/4/2018, (bản sao); Tờ cam kết về việc thế chấp tài sản ngày 21/5/2018, (bản sao); Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9013487/HĐBĐ, ngày 21/5/2018, (bản sao); Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 22/5/2018, (bản sao); Thông báo nợ quá hạn (lần 1) ngày 23/8/2018, (lần 2) ngày 06/9/2018, (lần 3) ngày 21/9/2018 (bản sao); 04 phiếu tính lãi ngày 12/11/2018 (bản gốc).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ ông Cao Tuấn N theo quy định pháp luật nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai, kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông N đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà Nguyễn Thị Phượng là mẹ vợ của ông N. Bà Phượng khai: Bà là mẹ vợ của ông N, cùng nơi cư trú với vợ,

chồng ông N. Vợ chồng N có đăng ký tạm trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ với bà tại số 159, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Thời gian gần đây vợ, chồng N có công việc đột xuất nên thỉnh thoảng có vắng nhà. Tuy nhiên, đối với vụ tranh chấp giữa Ngân hàng với N và các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho N bà có nhận thay và có nói lại cho N và ông N đều biết những nội dung liên quan đến các văn bản Tòa án tống đạt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông qua bà Nguyễn Thị Phượng (mẹ vợ ông N). Qua làm việc bà Phượng cho biết: Bà có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt, có thông báo cho ông N và ông N biết rõ sự việc Ngân hàng khởi kiện nhưng ông N vẫn không cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án cũng như vắng mặt nhiều lần không rõ lý do khi Tòa án trệu tập, nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy: Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B (BHI) có ký các hợp đồng tín dụng với ông Cao Tuấn N cho ông N vay tổng số tiền 18.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động thu mua lúa, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD ngày19/9/2017 cho vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/8/ 2018, lãi suất 9,5%/năm (lãi cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn bằng 150%/ năm lãi suất cho vay trong hạn);

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD ngày 21/5/2018 cho vay số tiền 16.000.000.000 đồng, trong đó, ký các hợp đồng cụ thể:

+ Số 01.01/2018/9013487/HĐTD ngày 22/5/2018, vay 9.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 22/5/2018 đến ngày 22/11/2018), lãi suất vay 7,5%/ năm (lãi cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn bằng 150% /năm lãi suất cho vay trong hạn).

+ Số 01.02/2018/9013487/ HĐTD ngày 13/6/2018, vay 7.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 13/6/2018 đến ngày 13/12/2018), lãi suất vay 7,5%/năm (lãi cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn).

Để đảm bảo cho các khoản vay ông Cao Tuấn N có thể chấp cho Ngân hàng các quyền sử dụng đất: số CS03173 do phòng tài nguyên và môi trường tỉnh đi Giang cấp cho ông Cao Tuấn N ngày 27/4/2018; số vào sổ CH02922 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 02/8/2010; số CH02878hF to UBND huyện Châu Phú cấp ngày 24/5/2010; số CH02923 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 02/8/2010; số CH02921 do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 02/8/2010.

Xét hợp đồng vay giữa các bên là tự nguyện nên làm phát sinh quyền và nghĩa Vụ của các bên . Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 19.479.335.618 đồng (trong đó vốn 18.000.000.000 đồng; lã 1.479.335.618 đồng), tính đến ngày 14/5/2019 và lãi suất phát sinh sau ngày 14/5/2019, tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp đã ký kết cho đến khi ông N thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463 , 466 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[Thẩm quyền]

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Cao Tuấn N có nơi cư trú: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú, chỗ ở hiện nay: số 159, ấp K, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bắc An Giang. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ giao dịch hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết vụ án nên quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[Thời hiệu khởi kiện]

Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn ký kết vào các ngày 19/9/2017, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/8/2018 và ngày 21/5/2018, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 22/05/2018 đến ngày 22/11/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Cao Tuấn N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng vi phạm điều khoản hợp đồng. Vì vậy, ngày 13/11/2018, Ngân hàng khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 Luật Thương mại năm 2005, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[Về sự vắng mặt của đương sự]

Bị đơn ông Cao Tuấn N đã được Tòa án triệu tập, cấp tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD (tín dụng món) và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9013487/HĐTD và 02 hợp đồng thế chấp gồm (Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9013487/HĐBĐ ngày 19/09/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9013487/HĐBĐ ngày 21/5/2018) giữa nguyên đơn với bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các hợp đồng đã ký kết.

[2] Về vốn vay:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thấy rằng: Giữa Ngân hàng và ông N có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD cho ông Cao Tuấn N vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để mua bán lúa, thời hạn vay là 11 tháng, kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/8/2018, lãi suất cho vay 9,5%/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ vay, ông N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bắc An Giang: 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 362,7m ^{2}, đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số: 23, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 568,4 m^2, đất ở tại nông thôn, thửa đất số: 41, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 168,9 m^2, đất ở tại nông thôn, thửa đất số: 45, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnhAn Giang; 01 Quyền sử dụng đất (Diện tích: 594 m^2, đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: 18) tọa lạc xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Hợp đồng tín dụng số 01.01/2018/9013487/HĐTD ngày 22/05/2018, số tiền vay là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng). Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày 22/05/2018 đến ngày 22/11/2018. Lãi suất vay: 7,5%/năm (lãi suất cố định

trong suốt thời gian vay), (lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn); Hợp đồng tín dụng số 01.02/2018/9013487/HĐTD ngày 13/06/2018, số tiền vay là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày 13/06/2018 đến ngày 13/12/2018. Lãi suất vay: 7,5%/năm (lãi suất cố định trong suốt thời gian vay), (lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn).

Để đảm bảo khoản nợ vay, ông N đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bắc An Giang: 01 Quyền sử dụng đất số phát hành CN 244891, vào sổ số CS03173 (Diện tích: 435,7 m2, thửa đất số: 100, tờ bản đồ số: 18) và 01 căn nhà ở gắn liền với đất tọa lạc đường Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Do vậy, việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông N về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thường xuyên thông báo yêu cầu ông N trả nợ, tuy nhiên ông N không hợp tác. Tính đến ngày xét xử 14-5-2019, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9013487/HĐTD ngày 19/09/2017 gốc và lãi đến hết ngày 14/5/2019 chi tiết như sau: Dư nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 155.643.836 đồng , lãi quá hạn là 69.753.425 đồng, tổng nợ gốc và lãi 2.225.397.261 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 01.01/2018/9013487/HĐTD ngày 22/5/2018 gốc và lãi đến hết ngày 14/5/2019 chi tiết như sau: Dư nợ gốc là 9.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 552.945.206 đồng , lãi quá hạn là 160.890.411 đồng, tổng nợ gốc và lãi 9.713.835.617 đồng;

Hợp đồng tín dụng số 01.02/2018/9013487/HĐTD ngày 13/6/2018 gốc và lãi đến hết ngày 14/5/2019 chi tiết như sau: Dư nợ gốc là 7.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 430.068.493 đồng , lãi quá hạn là 110.034.247 đồng, tổng nợ gốc và lãi 7.540.102.740 đồng;

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn gốc 18.000.000.000 (mười tám tỉ) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005). Xét chấp nhận.

[3] Về tiền lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay tính đến hết ngày 14/5/2019 vốn gốc và lãi 19.479.335.618 đồng (trong đó nợ gốc 18.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.138.657.535 đồng, tiền lãi quá hạn 340.678.083 đồng theo Bảng

tổng hợp nợ gốc và lãi do nguyên đơn cung cấp là phù hợp với khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Xét chấp nhận.

[4] Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 14/5/2019 cho nguyên đơn, cụ thể:

- Tiền lãi: 1.479.335.618 (một tỉ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười tám) đồng (trong đó, lãi trong hạn 1.138.657.535 đồng; lãi quá hạn 340.678.083 đồng).

- Vốn gốc: 18.000.000.000 đồng (mười tám tỉ) đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay".

[5] Về tài sản thế chấp, để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9013487/HĐBĐ ngày 19/09/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9013487/HĐBĐ ngày 21/5/2018. Nguyên đơn có yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là phù hợp, xét chấp nhận.

[6] Về án phí, bị đơn phải chịu 127.479.336 (một trăm hai bảy triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng (của số tiền 19.479.335.618 đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân Sự năm 2015 (Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005); khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K;

- Buộc ông Cao Tuấn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K:

- Tiền lãi: 1.479.335.618 (một tỉ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười tám) đồng (trong đó, lãi trong hạn 1.138.657.535 đồng; lãi quá hạn 340.678.083 đồng).

- Vốn gốc: 18.000.000.000 đồng (mười tám tỉ) đồng.

" Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Cao Tuấn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

- Duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9013487/HĐBĐ ngày 19/09/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/9013487/HĐBĐ ngày 21/5/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Cao Tuấn N.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Cao Tuấn N phải chịu 127.479.336 (một trăm hai bảy triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi sáu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K *63.230.000 (sáu mươi ba triệu, hai trăm ba mươi nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2016/0007687 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP K có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Cao Tuấn N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga